CẬP NHẬT KẾT QUẢ KINH DOANH QUÝ 2/2025

CTCP Đầu tư Phát triển Cường Thuận IDICO

Ngày 30/06/2025	24,450 VNĐ		
Thay đổi	*1 tháng*	*3 tháng*	*6 tháng*
	18.7%	**14.3%**	**24.4%**

DT thuần
Q2/25
348
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 66.0| 23.4%
YoY: ▲ 91.0| 35.4%

LN thuần
Q2/25
66.3
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 19.4| 41.4%
YoY: ▲ 39.9| 151%

LN sau thuế
Q2/25
39.9
tỷ VNĐ
QoQ: ▼2.70| -6.3%
YoY: ▲ 14.7| 58.4%

Tỷ suất lãi EBIT
Q2/25
23.7%
YoY: +/-▼ 7.0%

ROE (TTM)
Q2/25
7.4%
YoY: +/-▼ 0.3%

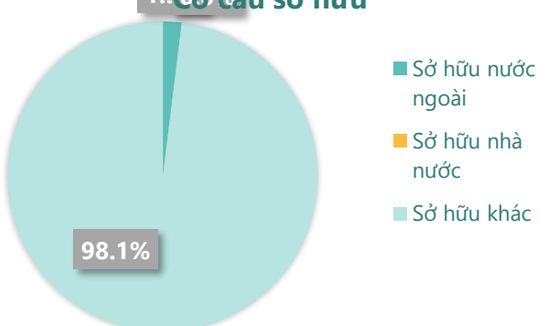
Sàn giao dịch	HSX
Khoảng giá 52 tuần	15,000 - 25,100
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	1,540
Số lượng CPLH (CP)	62,999,997
KLGD BQ 20 phiên (CP)	2,819,591
Sở hữu nước ngoài	1.9%
Beta	1.09
EPS	1,923
P/E	12.7

DT thuần
6T 2025
631
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 117| 22.7%

LN thuần
6T 2025
113
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 51.4| 83.8%

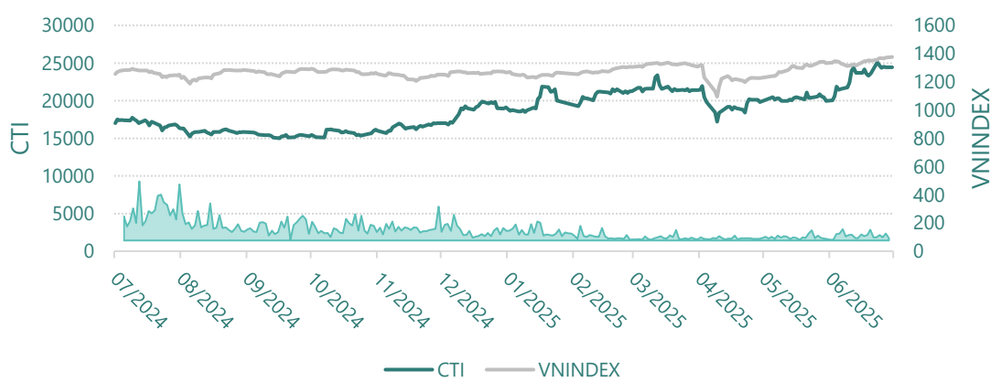
LN sau thuế
6T 2025
82.5
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 25.5| 44.7%

Cơ cấu sở hữu

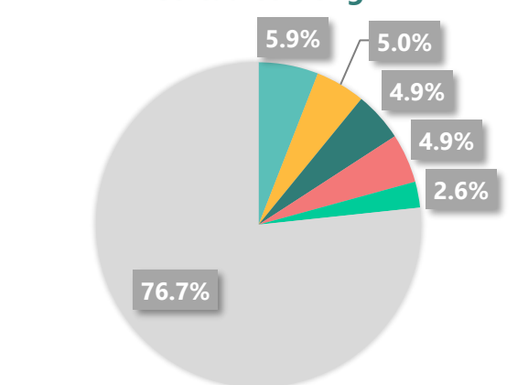


(Nguồn: fireant.vn)

Lịch sử giá



Cơ cấu cổ đông

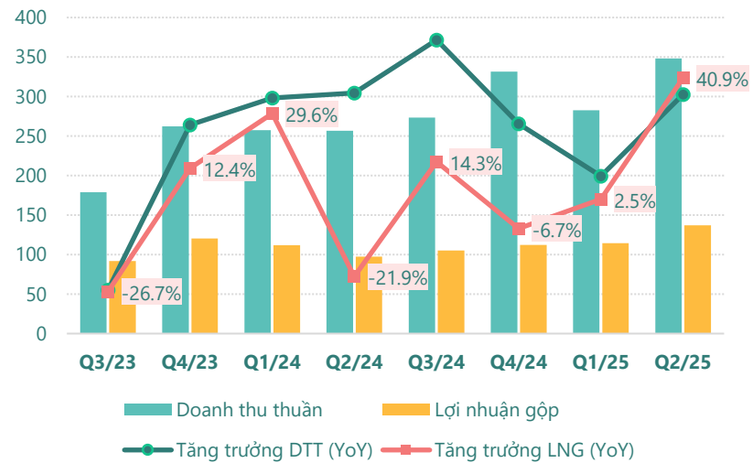




(Nguồn: fireant.vn)

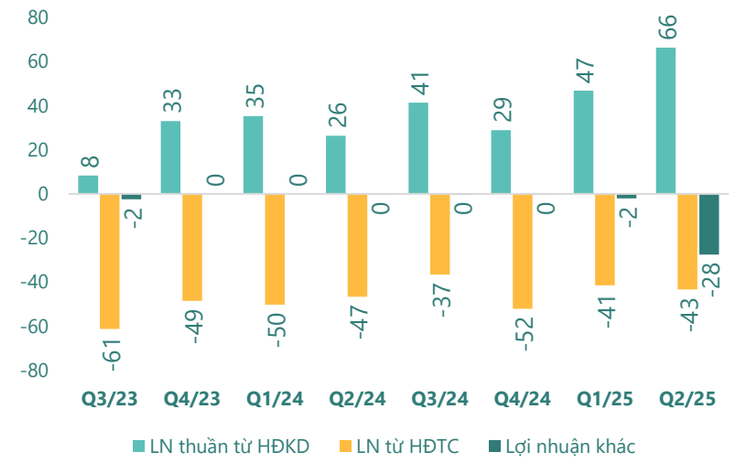
KẾT QUẢ KINH DOANH

Doanh thu thuần, Lợi nhuận gộp



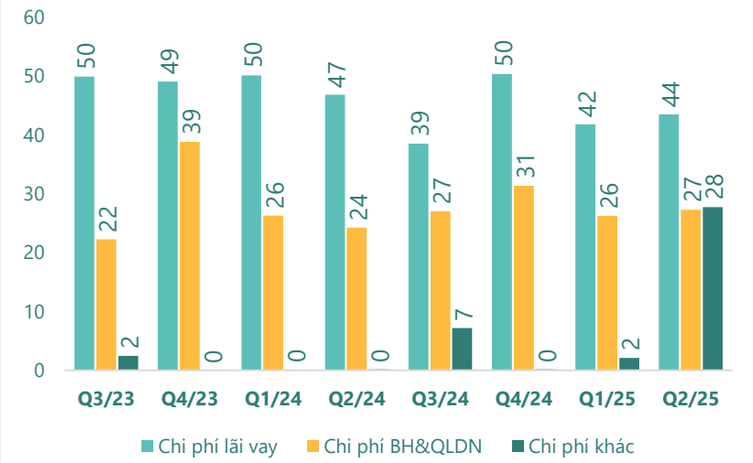
(Nguồn: fireant.vn)

Lợi nhuận



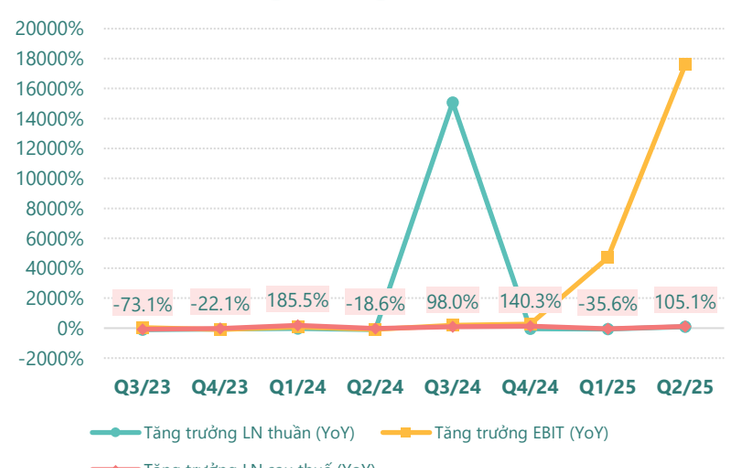
(Nguồn: fireant.vn)

Chi phí



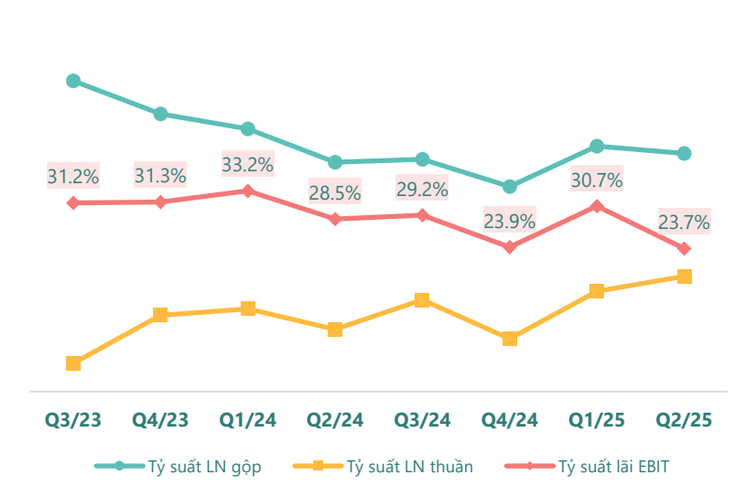
(Nguồn: fireant.vn)

Tăng trưởng lợi nhuận



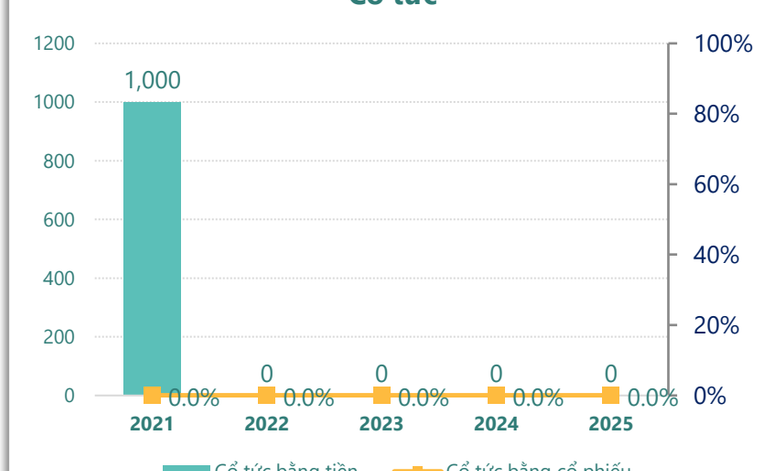
(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất sinh lợi



(Nguồn: fireant.vn)

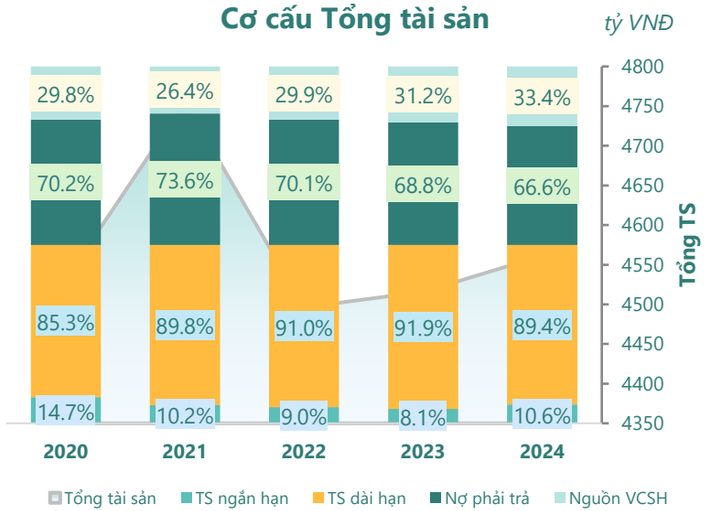
Cổ tức



(Nguồn: fireant.vn)

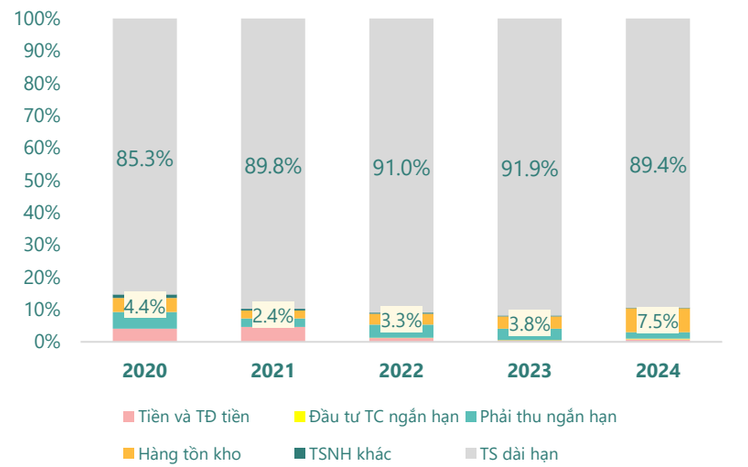
TÀI SẢN - NGUỒN VỐN

Cơ cấu Tổng tài sản



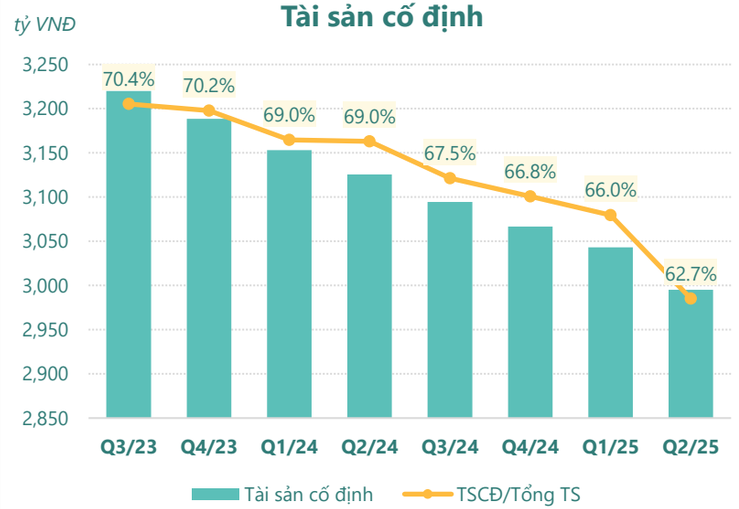
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu TS ngắn hạn/Tổng TS



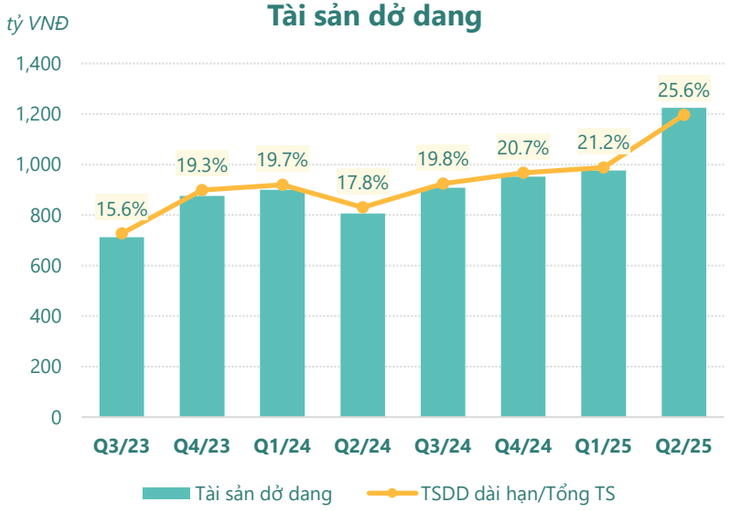
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



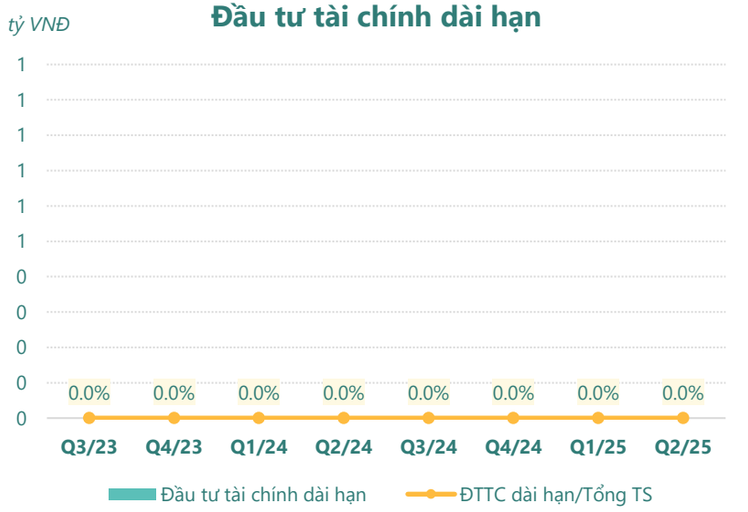
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang



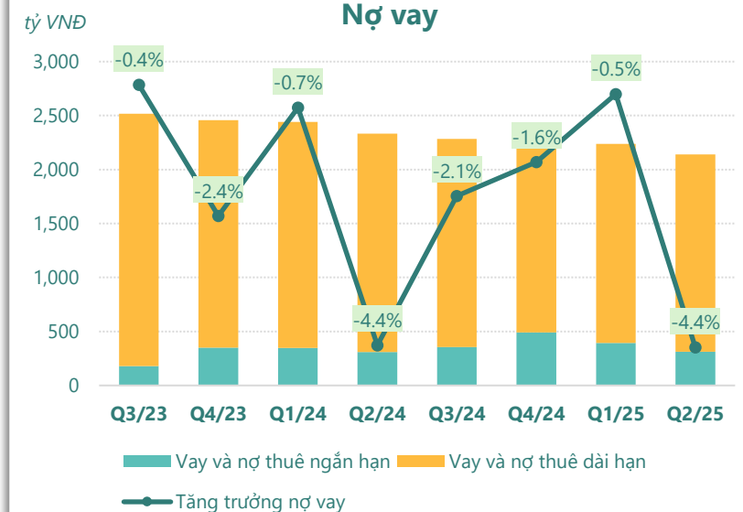
(Nguồn: fireant.vn)

Đầu tư tài chính dài hạn



(Nguồn: fireant.vn)

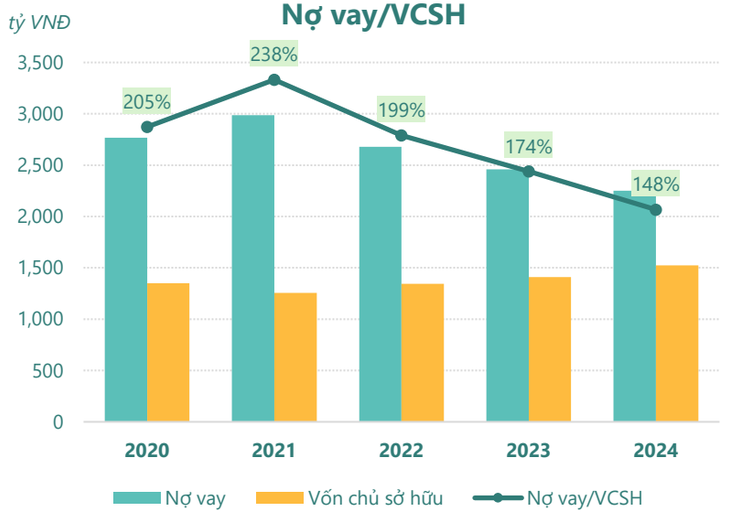
Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

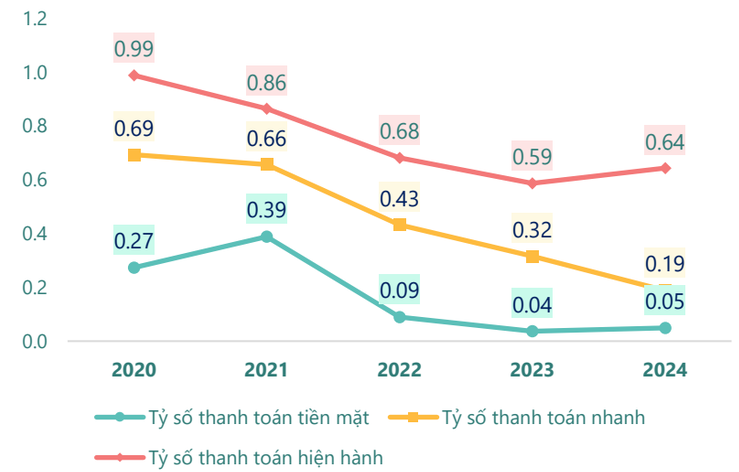
HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG

Nợ vay/VCSH



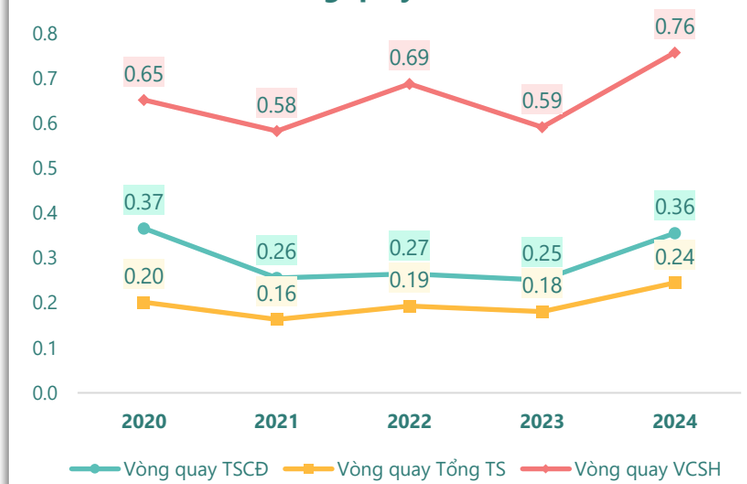
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



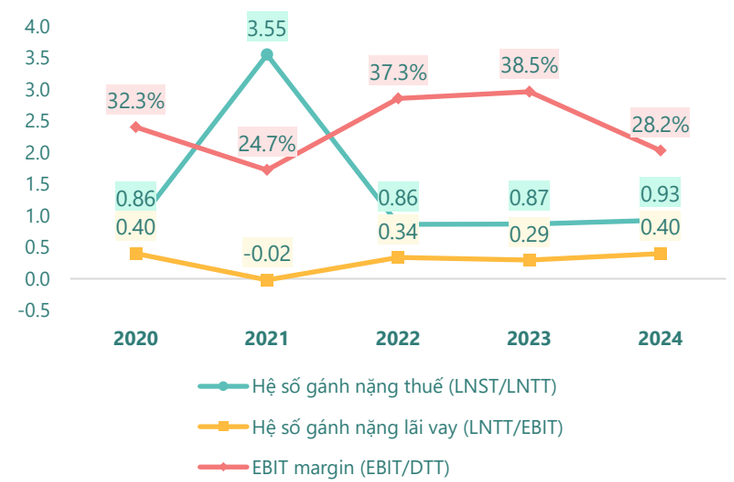
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



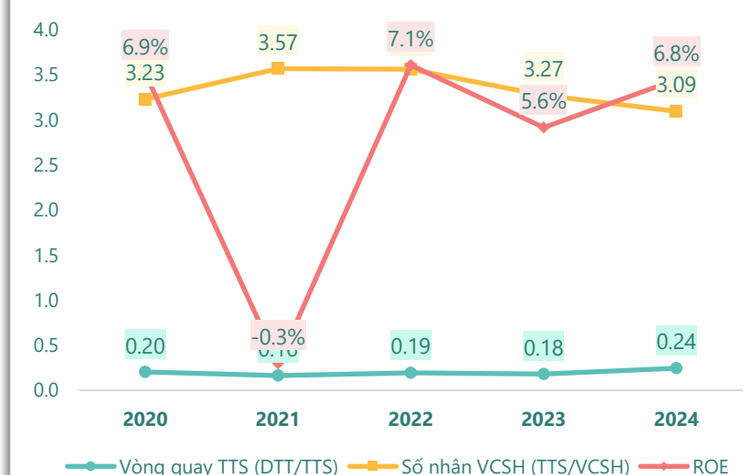
(Nguồn: fireant.vn)

Hệ số gánh nặng thuế và lãi vay



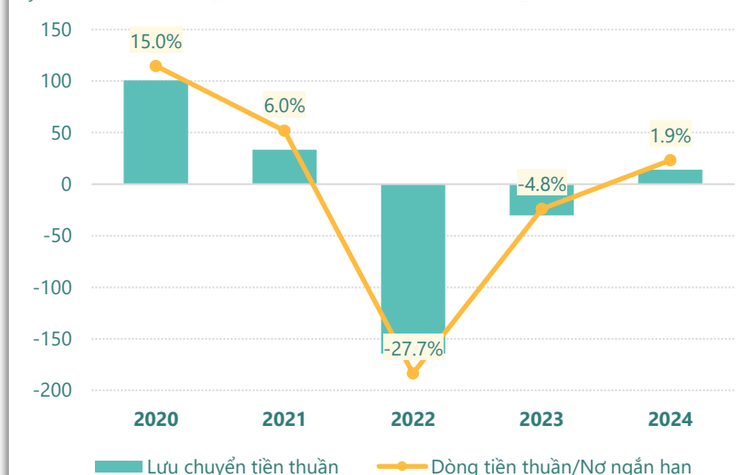
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản và ROE



(Nguồn: fireant.vn)

Dòng tiền thuần trên Nợ ngắn hạn



(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH *(tỷ VNĐ)*	Q2/25	Q2/24	Thay đổi YoY	6T 2025	6T 2024	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	**348**	**257**	**35.4%**	**631**	**514**	**22.7%**
Giá vốn hàng bán	211	159	32.7%	379	305	24.3%
Lợi nhuận gộp	137	97.2	41.0%	252	209	20.4%
Doanh thu HĐTC	0.13	0.12	11.8%	0.52	0.50	5.0%
Chi phí TC	43.5	46.7	-6.8%	85.4	97.4	-12.3%
Chi phí lãi vay	43.5	46.8	-7.0%	85.4	97.0	-12.0%
LN trong công ty LKLD	**0**	**0.00**		**0**	**0**	
Chi phí bán hàng	0.87	1.43	-39.4%	2.36	2.41	-2.1%
Chi phí QLDN	**26.4**	**22.8**	**15.9%**	**51.2**	**48.2**	**6.3%**
LN thuần từ HĐKD	66.3	26.4	151%	113	61.6	83.8%
Lợi nhuận khác	**-27.5**	**-0.03**	**-91575%**	**-29.6**	**-0.03**	**-108831%**
LN trước thuế	38.8	26.4	47.1%	83.6	61.6	35.8%
Lợi nhuận sau thuế	**39.9**	**25.2**	**58.4%**	**82.5**	**57.0**	**44.7%**
LNST của CĐ cty mẹ	**24.3**	**20.2**	**20.3%**	**62.9**	**48.4**	**29.9%**

(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền tệ *(tỷ VNĐ)*	Q1/24	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	47.4	98.0	23.7	51.2	55.8	48.6
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	-3.76	-11.6	-3.26	-59.3	-37.0	-85.4
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	-18.3	-106	4.20	0	-8.91	82.0
Tiền đầu kỳ	23.1	48.4	28.5	53.2	37.1	46.9
Lưu chuyển tiền thuần	**25.3**	**-19.9**	**24.7**	**-8.05**	**9.83**	**45.2**
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0	0	0	0
Tiền cuối kỳ	48.4	28.5	53.2	45.1	46.9	92.0

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN *(tỷ VNĐ)*	Tại ngày 30/6/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	**4,775**	**4,561**	**4.7%**
Tài sản ngắn hạn	499	482	3.6%
Tiền và tương đương tiền	92.0	37.1	148%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	7.48	7.48	0.1%
Phải thu ngắn hạn	91.2	91.2	-0.1%
Hàng tồn kho	305	341	-10.4%
Tài sản ngắn hạn khác	3.40	5.32	-36.0%
Tài sản dài hạn	**4,276**	**4,080**	**4.8%**
Phải thu dài hạn	9.28	8.52	9.0%
Tài sản cố định	2,995	3,066	-2.3%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	1,224	951	28.7%
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	
Tài sản dài hạn khác	**46.6**	**53.5**	**-13.1%**
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	2,987	3,037	-1.6%
Nợ ngắn hạn	**653**	**749**	**-12.9%**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	312	436	-28.4%
Phải trả người bán ngắn hạn	104	145	-28.4%
Nợ dài hạn	2,335	2,288	2.0%
Vay và nợ thuê dài hạn	1,828	1,814	0.7%
Nguồn vốn chủ sở hữu	**1,788**	**1,524**	**17.3%**
Vốn chủ sở hữu	**1,788**	**1,524**	**17.3%**
Vốn điều lệ	630	630	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	**0**	**0**	

(Nguồn: fireant.vn)